

LUẬN CỨU CẢNH NHẤT THỪA BẢO TÁNH

QUYỂN 4

Phẩm thứ 6: VÔ LƯỢNG PHIÊN NÃO TRÓI BUỘC

Luận chép: Kệ nói.

*Vừa nói Như lai tạng,
Mười nghĩa đã hiện rõ,
Kể nói phiên não buộc,
Dùng chín thứ thí dụ.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Vừa rồi nương Như lai tạng mà nói Thế giới từ vô thủy đến nay, pháp kia hằng thường trụ nơi Thế pháp không chuyển biến, là nói Như lai tạng có mười nghĩa. Từ đây trở xuống nương vào thế giới từ vô thủy đến nay bị phiên não trói buộc, nói thế giới ấy, tự tánh tâm thanh tịnh đầy đủ pháp thân, dùng chín thí dụ để nói về Như lai tạng, nhiều hơn số cát sông Hằng sự buộc của Tạng phiên não, phải biết kinh nêu chín thứ thí dụ, như Kệ rằng:

*Chư Phật trong hoa héo,
Mật ngọt trong bầy ong,
Ruột quả bọc trong vỏ,
Vàng ròng trong phân nhơ
Châu báu trong lòng đất,
Mầm non trong hạt quả,
Áo cũ mục dơ rách,
Trong đó gói tượng vàng.
Cô gái nghèo xấu xí,
Mang thai Vua chuyển luân,
Trong khuôn bùn cháy đen,
Có Tượng báu tốt đẹp.
Chúng sinh tham sân si,
Vọng tưởng phiên não thấy,*

*Trong trần Lao các cấu,
Đều có Như lai tạng.*

Hỏi: Kệ này nghĩa gì?

Đáp: Từ đây trở xuống dựa vào đó để nói lược về câu nghĩa của bốn kệ này, thí dụ còn lại, trong năm mươi bốn bài kệ đã nói rộng, nên biết bốn kệ này là nói lược chung về nghĩa trong kệ rộng kia, nên biết, lại cũng nương vào nghĩa đó nói lược hai bài kệ:

*Hoa, ong, bao phần uest,
Đất, quả, áo cũ rách,
Cô gái nghèo, khuôn bunn,
Tương tự phiền não cấu.
Phật, mật, thật vàng ròng,
Ngà báu Kim tượng vương,
Các Tượng báu tốt đẹp,
Tương tự Như lai tạng.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Các dụ Hoa và Ong,
Nói trong thân chúng sinh,
Vô thỉ thế giới nay,
Có các phiền não bản
Các dụ Phật Mật thủy,
Nói trong thân chúng sinh,
Vô thỉ nay đầy đủ
Thế tự tánh vô cấu.*

Lại nữa, nói lược Như lai tạng này, trong kinh nói về tâm bị phiền não của khách trần làm nhiễm của tất cả cõi chúng sanh từ Thế giới vô thỉ đến nay. Từ Thế giới vô thỉ đến nay, pháp thân tịnh diệu và Như lai tạng không lìa nhau, nên Kinh nói: “Nương vào tâm tự luống đối nhiễm mà chúng sinh nhiễm, nương vào tự tánh tâm thanh tịnh mà chúng sinh tịnh”.

Hỏi: Thế nào là tự tâm nhiễm?

Đáp: Nương vào tự tâm nhiễm có chín thứ thí dụ, như là hoa héo... Kệ rằng:

*Tham sân si nối tiếp,
Và Kiết sử huân tập,
Kiến, Tu đạo bất tịnh,
Và Địa tịnh có cấu.*

*Các dụ Hoa héo thây
Nói chín thứ đối nhau,
Vô biên phiền não buộc,
Nên nói tướng sai khác.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược có chín thứ phiền não, trong tự tánh thanh tịnh của cõi Pháp thân Như lai, tức chín thứ thí dụ như Hoa héo... đối với tánh thường của Chư Phật... Ngoài ra, các phiền não cấu của tướng khách cũng giống như vậy, là đối với tướng khách trần của Chân như, Phật tánh thường hằng. Chín thứ phiền não là: 1. Phiền não tham sử. 2. Phiền não sân sử. 3. Phiền não si sử. 4. Phiền não tham sân si kết sử tăng thượng. 5. Sự thâm nhiếp phiền não của vô minh trụ địa. 6. Sự dứt trừ phiền não của Kiến đạo. 7. Sự dứt phiền não của Tu đạo. 8. Sự thâm nhiếp phiền não của địa bất tịnh. 9. Sự thâm nhiếp phiền não của địa tịnh. như vậy chín thứ phiền não này, phải biết là dùng chín thứ thí dụ kia để hiển bày.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Tham sân si thế gian... là sự thâm nhiếp phiền não trong thân chúng sinh, có thể sở duyên của nghiệp ở địa Bất động, thành tựu quả báo của cõi sắc và cõi Vô Sắc, trí xuất thế gian có công năng dứt trừ, gọi là phiền não tham sân si sử, Kệ rằng: “Tham sân si nối tiếp”.

Lại sự thâm nhiếp phiền não trong thân tham sân si tăng thượng của chúng sinh, có thể làm hành duyên của phước nghiệp và tội nghiệp, chỉ có thể thành tựu quả báo cõi dục, chỉ có trí quán bất tịnh mới có thể dứt, gọi là Kết sử phiền não tham sân si tăng thượng. Kệ rằng: “Và Kết sử”. Lại nữa, sự thâm nhiếp phiền não trong thân A-la-hán, có thể làm hành duyên cho các nghiệp vô lậu, có thể sinh quả báo của ý sanh thân vô cấu, chỉ có trí Bồ-đề của Như lai mới dứt trừ được, gọi là sự thâm nhiếp phiền não Vô minh trụ địa, nên kệ nói: “huân tập”.

Lại nữa, có hai thứ Học nhân: 1/. phạm phu. 2/. bậc Thánh.

Sự thâm nhiếp phiền não trong thân phạm phu. Tâm xuất thế gian ban đầu thấy pháp trí Xuất thế gian mới có thể dứt gọi là sự gồm nhiếp phiền não Kiến đạo, nên kệ nói: “Kiến đạo”. Sự thâm nhiếp phiền não trong thân bậc Thánh, như trước kia thấy Xuất thế gian trí Tu đạo của pháp xuất thế gian mới có thể dứt, gọi là phiền não do Tu đạo mà dứt, nên kệ nói: “Tu đạo”.

Lại nữa, sự thâm nhiếp phiền não của Bồ-tát không cứu cánh, là từ Sơ địa cho đến địa thứ bảy, đối trị pháp được ở bảy Trụ địa, từ tám địa

trở lên tức trong ba Trụ địa, còn lại trí tu đạo mới có thể đoạn, gọi là chỗ thâm nhiếp phiền não của địa bất tịnh, nên kệ nói: “Bất tịnh”.

Lại nữa, sự thâm nhiếp phiền não trong thân của Bồ-tát cứu cánh. Tám địa trở lên gồm ba địa, là chỗ pháp được đối trị của trí Tu đạo, trí của Tam-muội Kim cương mới có thể đoạn, gọi là sự thâm nhiếp phiền não của địa tịnh, nên kệ nói: “Và địa tịnh có cấu”. Đó là nói lược thứ lớp về chín thứ phiền não, và chín thứ thí dụ như Hoa héo... phải biết là đã nói rộng.

Lại nữa, ngay nơi chín thứ phiền não này, dựa vào tám vạn bốn ngàn hạnh của chúng sinh, có tám vạn bốn ngàn phiền não sai khác, như trí Như lai vô lượng vô biên, có vô lượng vô biên phiền não như vậy trói buộc Như lai tạng, do đó nói “Sự buộc Như lai tạng của vô lượng Tạng phiền não”, nên kệ nói:

*Ngu si và La-hán,
Các Hữu Học Đại trí,
Thứ lớp bốn loại bản,
Và một, hai lại hai.
Thứ lớp nói như vậy,
Bốn phàm một bậc Thánh,
Hai Học, hai đại trí,
Gọi là địa bất tịnh.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì ?

Đáp: Chín thí dụ ấy, trong giới vô lậu thứ lớp như vậy nói về bốn thứ thí dụ, và thí dụ thứ năm, sau đó là từng cặp hai phiền não, các cấu nương vào, vì phiền não cấu nhiễm nên nói “Không thanh tịnh”.

Hỏi: Lại làm sao biết chín phiền não Tham Sân... này, đối với chín thí dụ như Hoa héo... là tương tự tương đối? Lại làm sao biết Như lai tạng đối với chín thí dụ của Chư Phật... là tương tự tương đối?

Đáp: Kệ rằng:

*Nương thân lực của Phật,
Có các Hoa tốt kia,
Khi còn đẹp thì yêu
Lúc héo úa chẳng yêu,
Hoa nương vào tươi héo,
Mà có yêu chẳng yêu,
Phiền não tham cũng vậy,
Trước thích, sau chẳng thích.
Bây ông làm thành mật,*

Tâm sân cắn các hoa,
Khi tâm giận nổi lên,
Sinh các thứ khổ não.
Lúa trong ruột chắc thật,
Bên ngoài vỏ bao bọc,
Tâm si bao như vậy,
Không thấy trong chắc thật.
Giống như mùi phân nơ,
Trí quán tham cũng vậy,
Khởi các tướng tâm Dục,
Kiết sử như phấn nơ.
Ví như trong đất kia,
Có kho thứ báu,
Chúng sinh chẳng thiên nhãn,
Cho nên không thể thấy.
Trí tự tại như vậy,
Bị đất Vô minh che,
Chúng sinh không mắt trí,
Cho nên không thể thấy.
Như hạt lìa vỏ bọc,
Lần lượt nảy mầm mộng,
Thấy đạo dứt phiền não,
Thứ lớp sinh các địa.
Vì dứt thân Kiến thấy,
Nhiếp lấy đạo Thánh mẫu,
Tu đạo dứt phiền não,
Cho nên nói áo rách.
Các cấu trong bảy địa,
Giống như thai bị bao,
Trí xa lìa Thai tạng,
Thuần thực vô phân biệt.
Ba địa biết các cấu,
Như tượng trong khuôn bùn,
Các Bồ-tát Đại trí,
Trí Định Kim cương dứt.
Hoa héo đến khuôn bùn,
Chín thí dụ như vậy,
Hiển thị tham sân si...

*Chín thứ phiền não cấu,
Như lai tạng trong cấu,
Phật... là pháp tương đối,
Chín thứ nghĩa như vậy,
Ba loại thuộc về thể.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Là nương vào pháp thân, tự tánh tâm thanh tịnh và Như lai tạng, là ba thứ thật thể, phải biết có Chư Phật... nơi chín thứ thí dụ là pháp tương tự tương đối. Ba thứ thật thể đó, Kệ rằng:

*Pháp thân và Chân như,
Tánh Như lai thật thể,
Ba thứ và một thứ,
Năm thứ dụ hiện bày,*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Phải biết ba thí dụ đầu nói về Pháp thân Như lai. Ba thí dụ đầu là: 1. Chư Phật. 2. Mật ngọt. 3. Vững chắc, là thị hiện pháp thân, nên kệ nói: “Pháp thân”. Một loại thí dụ, là vàng ròng để nói về Chân như, nên kệ nói: “Chân như”.

Lại năm thí dụ là?

1. Đất chứa. 2. Thọ (cây). 3. Tượng vàng. 4. Vua Thánh Luân vương. 5. Tượng báu. Có thể sinh ba thứ thân Phật, nói về tánh Như lai, nên kệ nói: “Tánh Như lai”. Lại pháp thân, là như Kệ rằng:

*Pháp thân có hai thứ,
Chân pháp giới thanh tịnh,
Và nương tập khí kia,
Nói về nghĩa sâu cạn.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Chư Phật, Như lai có hai thứ pháp thân, hai thứ pháp thân là:

1. Thân pháp giới vắng lặng, vì là cảnh giới của trí vô phân biệt, như vậy Pháp thân của Chư Phật, Như lai, phải biết chỉ có từ pháp giới Nội thân mới có thể chứng đắc, nên kệ nói: “Chân pháp giới Thanh tịnh”.

2. Là vì chứng đắc nhân của Chân pháp giới thanh tịnh kia, là từ pháp giới vắng lặng pháp, dựa vào chúng sinh đáng hóa độ mà nói, phải biết sự nói pháp đó, là nương vào Chân như, Pháp thân nên sự nói pháp đó, gọi là tập khí, vì thế Kệ rằng: “Và nương tập khí kia”, sự nói pháp này có hai thứ: a. Tế. b. Thô.

a. Tế là nói pháp tạng sâu xa bí mật của các Đại Bồ-tát, vì nói

theo bậc nhất nghĩa đế mà nói

b. Thô là sự nói các thứ khế kinh, Kì-dạ, Hòa-già-la-na, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na... với những danh, tự, chương, cú có các thứ sai khác, vì nương vào thế đế, nên kệ nói:

*Vì pháp Xuất thế gian,
Trong đời không thí dụ,
Cho nên nương tánh kia,
Lại nói tánh thí dụ.
Như mật ngọt một vị,
Pháp sâu kín cũng vậy,
Nói khế kinh vân vân,
Như các thứ vị khác.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Chữ Phật, mật ngọt và vững chắc, ba thí dụ, đây là nói về Như lai, Pháp thân Chân như có hai nghĩa: 1. Trùm khắp tất cả chúng sinh. 2. Khắp trong thân hữu dư và vô dư, nói về tất cả chúng sinh có Như lai tạng.

Hỏi: Đây nói về nghĩa gì?

Đáp: Trong thế giới chúng sanh không có một chúng sinh nào lìa Pháp thân Như lai, ở ngoài Pháp thân, lìa trí Như lai ở ngoài trí Như lai, như các thứ sắc tượng chẳng lìa hư không, nên kệ nói:

*Ví như các sắc tượng,
Chẳng xa lìa hư không,
Như vậy thân chúng sinh,
Không lìa trí Chư Phật.
Lấy những nghĩa như vậy,
Nói tất cả chúng sinh,
Đều có Như lai tạng,
Như sắc trong hư không.
Vì tánh không thay đổi,
Thể xưa nay thanh tịnh,
Như vàng ròng bất biến,
Nên nói dụ cho chân như.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói về tánh của Chân như, Như lai, cho đến tâm tự tánh thanh tịnh trong thân chúng sinh tà nhóm không khác không sai khác, quang minh sáng tỏ. Vì lìa các khách trần phiền não, nên sau đó nói Pháp thân Như lai như vậy, dùng vàng ròng duy nhất làm thí dụ, nương

vào Chân như không sai khác, chẳng lìa Pháp thân Phật, nói các chúng sinh đều có Như lai tạng, vì tâm tự tánh thanh tịnh. Tuy nói là thanh tịnh nhưng xưa nay là pháp không hai, vì thế trong Kinh Phật bảo Bồ tát Văn-thù-sư-lợi: “Văn-thù-sư-lợi! Như lai thấy biết như đúng thật về trí căn bản tự thân thanh tịnh, vì nương vào trí căn bản của tự thân, mà biết các chúng sinh có thân thanh tịnh. Này Văn-thù-sư-lợi! Điều gọi là tự tánh nơi thân thanh tịnh của Như lai, cho đến tự tánh trong thân thanh tịnh của tất cả chúng sinh, hai pháp này là không hai, không sai khác, nên kệ nói:

*Tất cả các chúng sinh,
Như lai tạng bình đẳng,
Pháp Chân như thanh tịnh,
Gọi là Thể Như lai.
Nương vào nghĩa như vậy,
Nói tất cả chúng sinh,
Đều có Như lai tạng,
Phải hiểu biết như vậy.*

Lại nữa, Kệ rằng:

*Phật tánh có hai thứ,
Một là như lòng đất,
Hai là như quả cây,
Thế giới vô tử nay.
Tự tánh Tâm thanh tịnh,
Tu hành đạo Vô thượng,
Nương hai thứ Phật tánh,
Xuất hiện ba thứ thân.
Nương thí dụ thứ nhất,
Biết có Pháp thân đầu,
Nương thí dụ thứ hai,
Biết có hai thân Phật.
Chân Phật Pháp thân tịnh,
Giống như tượng vàng ròng,
Vì tánh không thay đổi,
Nhiếp thể thật công đức.
Chứng vị Đại pháp vương vị,
Như vua Thánh Chuyển Luân,
Nương Thể của gương bóng,
Có ảnh Phật hóa hiện.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Năm thí dụ còn lại, là thí dụ về tạng, Thọ (cây), tượng vàng, Vua Chuyển vua Thánh, Tượng báu, để nói về sinh ba Pháp thân Phật kia, vì nường vào tánh của tự thể là tánh Như lai nhưng các chúng sinh còn ẩn tàng, nên nói: “Nói tất cả chúng sinh, đều có Như lai tạng”.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì Chư Phật, Như lai có ba thân, được gọi là nghĩa. Năm thí dụ này có thể làm nhân của ba thứ Pháp thân Phật. Vì nghĩa đó nên nói năm thứ thí dụ là nhân của tánh Như lai.

Hỏi: Đây làm rõ nghĩa gì?

Đáp: Trong đây nói về nghĩa của tánh lấy làm nghĩa của nhân. Vì nghĩa đó nên Kệ trong Kinh có bài kệ rằng:

*Tánh đời vô tử nay,
Làm chỗ nường các pháp,
Nường tánh có các đạo,
Và chứng quả Niết-bàn.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: “Tánh từ đời vô tử”: Như trong Kinh nói: “Chư Phật Như lai nường vào Như lai tạng, mà nói bản Tế của các chúng sinh từ vô tử đến nay không thể biết được”. Các gọi là tánh: Như Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Như lai nói Như lai tạng, là pháp giới tạng, Pháp thân tạng xuất thế gian, là tạng thượng thượng, xuất thế gian tự tánh thanh tịnh tạng Pháp thân, tự tánh thanh tịnh tạng Như lai” tự tánh thanh tịnh.

“Làm chỗ nường các Pháp”: Là như Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Do đó Như lai tạng là dựa, là giữ vững, là trụ trì, là tạo lập. Bạch Đức Thế Tôn! Không lìa, trí không lìa, không đoạn, không thoát, không khác vô vi, Phật pháp không thể nghĩ bàn. Bạch Đức Thế Tôn! Ngoài đoạn, thoát và dị ra, cũng có lìa, lìa trí pháp hữu vi, cũng nường, cũng nắm giữ, cũng trụ trì, cũng kiến lập, vì nường vào Như lai tạng”. “Nường tánh có các đạo”, như Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Sinh tử là nường vào Như lai tạng. Bạch Đức Thế Tôn! Như lai tạng nên nói sinh tử, gọi đó là khéo nói”. “Và chứng quả Niết-bàn”, như Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: Bạch Đức Thế Tôn ! Vì nường vào Như lai tạng nên có sinh tử, vì nường vào Như lai tạng nên chứng Niết-bàn”.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói về Như lai tạng và Pháp thân Như lai rất ráo không sai

khác, Thể tướng Chân như rốt ráo quyết định Thể của Phật tánh, trong tất cả thời tất cả thân chúng sinh, phải biết thấy đều có đủ không sót.

Hỏi: Điều này làm sao biết?

Đáp: Nương vào pháp tướng để biết. Do đó Kinh nói: “Này người Thiện nam! Pháp tánh, thể tánh của pháp và tự tánh này thường trụ, Như lai ra đời hoặc không ra đời, thì tự tánh thanh tịnh xưa nay vẫn thường trụ”.

Hỏi: Tất cả chúng sinh có Như lai tạng, là nói về nghĩa gì?

Đáp: Nương vào pháp tánh, nương nơi pháp thể, nương vào pháp tướng ứng, nương vào pháp phương tiện, các pháp này như vậy hay không như vậy, đều không thể nghĩ bàn. Tất cả xứ đều nương vào pháp, nương pháp mà xét, nương pháp mà tín, mà đặc tâm tịnh, đặc tâm định, các pháp kia không thể phân biệt, là thật hay bất thật, chỉ nương theo Như lai mà tin, nên kệ nói:

*Chỉ nương Như lai tin,
Tin vào bậc nhất nghĩa,
Như người không có mắt,
Không thể thấy mặt trời.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược trong tất cả thế giới chúng sanh có bốn thứ chúng sinh, không biết Như lai tạng như người mù bẩm sinh. Những gì là bốn thứ: 1. Phàm phu. 2. Thanh Văn. 3. Bích Chi Phật. 4. Bồ-tát mới phát Bồ-đề tâm. Như Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Như lai tạng, là đối với chúng sinh thân Kiến, thì Như lai tạng không phải là cảnh giới của họ. Thế Tôn! Như lai tạng, đối với chúng sinh chấp giữ bốn điên đảo, thì Như lai tạng không phải là cảnh giới của họ. Thế Tôn! Như lai tạng, đối với chúng sinh tán loạn tâm đánh mất không, thì Như lai tạng không phải là cảnh giới của họ”.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: chúng sinh thân Kiến, là các phàm phu. Vì phàm phu thật không có các pháp năm ấm như sắc... mà chấp cho là có ngã và ngã Sở, lống đối chấp trước nơi ngã mạn và ngã Sở Mạn, đối với pháp cam lồ của tánh Diệt Đế vô lậu là thân kiến muốn tin cũng không được, hướng chỉ là cảnh giới Nhất thiết trí Như lai tạng Xuất thế gian mà có thể chứng có thể hiểu, không có việc đó.

Lại nữa, chúng sinh chấp giữ bốn điên đảo, là hạng Thanh-văn, Bích Chi Phật. Vì Thanh-văn Bích Chi Phật kia lẽ ra phải tu hạnh Như lai tạng thường, nhưng không tu hạnh Như lai tạng để thành tựu thường!

Vì bốn điên đảo chấp giữ tất cả pháp vô thường, tu hạnh Như lai tạng vô thường, ưa thích vô thường mà tu hành, vì không hay không biết, nên lẽ ra phải tu hạnh Như lai tạng lạc, nhưng không tu hạnh Như lai tạng để thành tựu lạc!

Vì điên đảo chấp trước tất cả pháp đều là khổ, tu hạnh Như lai tạng khổ, ưa thích khổ mà tu hành, vì không hay không biết, đáng lẽ phải tu hạnh Như lai tạng ngã, nhưng không tu hạnh Như lai tạng để thành tựu ngã!

Vì điên đảo chấp trước tất cả pháp Vô ngã, tu hạnh Như lai tạng Vô ngã, ưa thích Vô ngã mà tu hành, vì không hay không biết, đáng lẽ phải tu hạnh Như lai tạng thanh tịnh, nhưng không tu hạnh Như lai tạng thành tựu tịnh!

Vì điên đảo chấp giữ tất cả pháp bất tịnh, tu hạnh Như lai tạng bất tịnh, vì không hay không biết, Thanh-văn Bích Chi Phật như vậy, tất cả không thể như thật thuận theo Pháp thân mà tu hành!

Vì nghĩa đó, pháp bậc nhất giải thoát thường lạc ngã tịnh không phải là cảnh giới Thanh-văn và Bích Chi Phật nhận biết, như vậy ưa thích các tướng điên đảo vô thường, khổ, Vô ngã và bất tịnh, Như lai tạng kia không phải là cảnh giới của Nhị thừa. Phải biết nghĩa như vậy nơi kinh Đại Bát Niết-bàn đã nói, thí dụ ao nước nói rộng về nghĩa này. Trong kinh đó nói: “Nầy Ca Diếp! Ví như vào mùa xuân, nhiều người đang tắm gội trong ao nước lớn, có người ngồi thuyền dạo chơi, làm rớt viên ngọc báu Lưu-ly chìm dưới đáy ao. Lúc đó, mọi người cùng lặn xuống nước để tìm viên ngọc, tranh nhau tìm kiếm, mò được gạch đá cỏ cây cát sỏi, ai nấy đều cho mình đã được ngọc lưu-ly, mừng rỡ nắm chặt, khi lên khỏi nước mới biết chẳng phải thật, tức viên ngọc báu vẫn còn dưới nước. Do lực dụng của viên ngọc nên nước được lắng trong, do đó mọi người nhìn thấy ngọc báu nằm dưới nước, cũng như ngửa nhìn mặt trăng trên hư không. Lúc này trong số đó có một người khôn, dùng sức phương tiện từ từ lặn xuống nước, lấy được viên ngọc. Nầy các Tỳ-kheo! Tu tập tướng vô thường, khổ, Vô ngã, tướng bất tịnh cho là chân thật, như những người kia, ai nấy đều mò lấy gạch đá cỏ cây cát sỏi cho là ngọc báu! Các thầy phải khéo học tạo phương tiện, bất cứ chỗ nào cũng thường tu tướng ngã, tướng Thường, tướng Lạc, tướng Tịnh. Lại phải nên biết, trước kia sự tu tập bốn pháp tướng mạo đều là điên đảo, người tu các tướng muốn chứng được chân thật, như người trí kia khéo lấy viên ngọc lên khỏi nước, đó là tướng Ngã, tướng Thường, tướng Lạc, tướng Tịnh”.

Lại nữa, chúng sinh tâm tán loạn, đánh mất không, là Bồ-tát mới phát tâm, là nghĩa lia Như lai tạng không, dùng việc mất vật biến hoại mà tu hành, gọi là môn giải thoát không.

Hỏi: Đây nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì Bồ-tát mới phát tâm nghĩ rằng: “Thật có pháp đoạn diệt sau khi đắc Niết-bàn, như vậy là Bồ-tát đánh mất Như lai tạng Không mà tu hành. Lại có người lấy Không làm vật có đáng lẽ ta phải đắc Không”. Lại cũng nghĩ rằng: “Lìa các pháp như sắc... lại Không riêng có, Ta phải tu hành khiến chứng đắc Không kia”.

Hỏi: Người kia chẳng biết Không thì lấy các pháp gì làm Như lai tạng? Đáp: Kệ rằng:

*Như lai tạng bất không,
Là Phật pháp Vô thượng ,
tướng chẳng lia bỏ tướng nhau ,
Không thêm bớt một pháp!
Thân Như lai vô vi,
Tự tánh xưa nay tịnh,
Khách trần luống dối nhiễm,
Xưa nay tự tánh không.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Không bớt một pháp nào, là không bớt phiền não. Không thêm một pháp nào, là trong tánh Chân như không tăng thêm một pháp nào, vì không xả lìa thể thanh tịnh, nên kệ nói: “Tướng chẳng xả lìa nhau, không thêm bớt một pháp”. Cho nên Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Có hai loại Như lai tạng không trí. Thế Tôn! Như lai tạng không, hoặc lìa hoặc thoát hoặc khác tất cả phiền não tạng. Thế Tôn! Như lai tạng bất không, nhiều hơn số cát sông Hằng không lìa, không thoát, không khác, là pháp Phật không thể nghĩ bàn”.

Hỏi: như vậy các phiền não nào và những xứ nào là không?

Đáp: Thấy biết như thật như vậy gọi là trí không.

Hỏi: Lại nữa, thế nào là pháp Chư Phật, nơi đâu có đầy đủ?

Đáp: Thấy biết đúng thật như vậy gọi là trí bất không. Như thế là đã nói về lìa hai Biên có không mà biết về như thật không tướng. Trong hai bài kệ ấy đã nói nghĩa như vậy.

Lại chúng sinh nếu lìa trí không như thế, thì người đó ngoài cảnh giới của Phật ra, gọi là không tương ứng, không đắc định, không đắc Nhất tâm. Vì nghĩa đó, gọi là “chúng sinh tâm tán loạn đánh mất không”. Tai sao? Vì lìa trí môn của bậc nhất nghĩa không, nên cảnh giới vô phân

biệt chẳng thể chứng được, chẳng thể thấy được, nên Kinh Thánh Giả Thăng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Như lai tạng trí, gọi là không trí. Thế Tôn! Như lai tạng trí không, vốn là chỗ xưa nay tất cả Thanh Văn Bích Chi Phật không thấy, không đắc, không chứng, không lãnh hội. Thế Tôn! Tất cả khổ Diệt chỉ có Phật chứng đắc, phá tan tất cả kho tàng phiền não. Tu tất cả đạo Diệt khổ. Như vậy Như lai tạng này, lấy pháp giới làm Tạng, chúng sinh thân Kiến không thể thấy được” tức nói lấy tướng thân Kiến đối trị nơi pháp giới chân thật chưa hiện tiền.

Lại Như lai tạng Pháp thân Xuất thế gian như vậy, không phải cảnh giới của chúng sinh điên đảo, đã nói lấy pháp thế gian như vô thường, khổ... đối trị nên pháp giới Xuất thế gian chưa hiện tiền.

Lại pháp giới tự tánh thanh tịnh, Như lai Tạng không như vậy, chẳng phải cảnh giới của chúng sinh tâm tán loạn, tâm mất không tức đã nói do khách trần phiền não cấu làm nhiễm, vì tự tánh không thanh tịnh pháp công đức không lìa nhau, nên được gọi là Pháp thân Xuất thế gian.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Lại dựa vào Nhất Vị nơi Đẳng Vị của trí môn pháp giới không sai khác mà quán sát tự tánh Pháp thân thanh tịnh Xuất thế gian, gọi là thấy biết như thật về Chân như, nên Kinh nói: “Bồ-tát mười Trụ chỉ có thể thấy ít phần Như lai tạng, huống chi là phàm phu và Nhị thừa. Kệ rằng:

*Ví như trong mây mỏng,
Thấy hư không mặt trời,
Các bậc Thánh tuệ tịnh,
Thấy Phật cũng như vậy.
Thanh-văn, Bích Chi Phật,
Như người không có mắt,
Không thể thấy Như lai,
Người mù không thấy trời.
Tất cả pháp đã biết,
Có vô lượng vô biên,
Khắp hư không pháp giới,
Trí vô lượng thấy được.
Pháp thân các Như lai,
Đầy khắp ở mọi nơi,
Trí tuệ Phật thấy được,
Vì là trí vô lượng.*

Phẩm thứ 7: VÌ SAO NÓI

Hỏi: Nghĩa của Chân như, Phật tánh Như lai tạng trụ tại địa Bồ-tát rốt ráo vô chướng ngại, cũng chẳng hải cảnh giới Bồ-tát là bậc Thánh thứ một, vì đó là cảnh giới của bậc Nhất thiết trí. Nếu vậy, vì sao lại vì kẻ phàm phu Ngu si điên đảo mà nói?

Đáp: Vì nghĩa đó, nói lược bốn bài kệ:

*Kinh chỗ nào cũng nói,
Trong ngoài tất cả không,
Pháp hữu vi như mây,
Và như mộng huyễn thấy
Vì sao trong đây nói,
Tất cả các chúng sinh,
Đều có tánh Như lai,
Mà không nói vắng lặng?
Vì có tâm yếu đuối,
Khinh mạn các chúng sinh,
Chấp trước pháp luống dối,
Chê chân như, Phật tánh.
Chấp thân có thân ngã,
Vì khiến những kẻ ấy,
Xa lìa năm thứ lỗi,
Nên nói có Phật tánh!*

Phải biết bốn bài kệ này lấy mười một bài kệ để giải thích sơ lược.

Kệ rằng:

*Trong các Tu-đa-la,
Nói các pháp hữu vi,
Là nghiệp phiền não thấy,
Luống dối như mây thấy.
Phiền não giống như mây,
Nghiệp đã làm như mộng,
Như huyễn, Ám cũng vậy,
Vì nghiệp phiền não sinh.
Trước đã nói như thế,
Trong Luận cứu cánh này,
Vì lìa năm thứ lỗi,
Nói có tánh Chân như.
Vì chúng sinh không nghe,*

Không phát tâm Bồ-đề,
Hoặc có tâm yếu đuối,
Các lỗi dối tự thân.
Chưa phát tâm Bồ-đề,
Sinh khởi ý khinh mạn,
Thấy người phát Bồ-đề,
Ta hơn Bồ tát kia!
Người kiêu mạn như vậy,
Không khởi tâm chánh trí,
Cho nên chấp luống dối,
Không biết pháp như thật.
Lỗi Chúng sinh vọng chấp,
Không biết tâm khách nhiễm,
Thật không các lỗi kia,
Công đức tự tánh tịnh.
Vì lỗi chấp luống dối,
Không biết công đức thật,
Cho nên không được sinh,
Từ tự tha bình đẳng.
Nghe tánh Chân như kia,
Khởi năng lực mạnh mẽ,
Và cung kính Thế Tôn,
Trí tuệ và đại bi,
Sinh thêm lớn năm pháp,
Bình đẳng không lui sụt,
Không có tất cả lỗi,
Chỉ có các công đức.
Chấp tất cả chúng sinh,
Như thân ta không khác,
Mau chóng được thành tựu,
Bồ-đề Phật Vô thượng.

Phẩm thứ 8: THÂN CHUYỂN THANH TỊNH THÀNH BỒ ĐỀ

Luận chép: Đã nói như hữu cấu, phải biết từ đây trở xuống nói như vô cấu. Như vô cấu, là Chư Phật, Như lai, trong pháp giới vô lậu xa lìa tất cả các thứ cấu, chuyển thân tạp uế được thân tịnh diệu. Phải biết nương vào tám câu nghĩa mà nói lược sự sai khác về Pháp thân vô lậu của tánh Chân như kia. Tám câu nghĩa gồm? Kệ rằng:

*Tịnh, Đắc và xa lìa,
Tự tha Lợi tương ứng,
Nương vào rất vui sướng,
Thời, Số như pháp kia.*

Đó là tám câu nghĩa, thứ lớp trong một Kệ nói về tám thứ nghĩa, tám thứ nghĩa là: 1. Thật thể. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ứng. 6. Hành. 7. Thường. 8. Không thể nghĩ bàn.

1. Thật thể: là trước đã nói Như lai tạng không lìa sự trói buộc của phiền não Tạng, vì xa lìa các phiền não mà chuyển thân đắc thanh tịnh, phải biết đó gọi là Thật thể, nên kệ nói: “Tịnh”. Do vậy Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu người đối với sự ràng buộc Như lai tạng của vô lượng Tạng phiền não mà không nghi ngờ, thì đối với sự ra khỏi vô lượng tạng phiền não trói buộc Pháp thân cũng không nghi ngờ.

2. Nhân: Có hai thứ Trí Vô phân biệt: a. Trí Vô phân biệt Xuất thế gian. b. Dựa vào Trí Xuất thế gian, đắc trí dựa vào hành thế gian và Xuất thế gian. Đó là nhân, nên kệ nói: “Đắc”.

3. Quả: Tức là nương vào đắc này mà chứng đắc quả trí, đó là quả, nên kệ nói: “Xa lìa”.

4. Nghiệp: Có hai thứ xa lìa. a. Xa lìa phiền não Chướng. b. Xa lìa trí chướng. Thứ lớp như thế, nên gọi là xa lìa, như vậy xa lìa mà tự lợi, lợi tha được thành tựu, gọi là nghiệp, vì thế Kệ rằng: “Tự lợi, lợi tha”.

5. Tương ứng, là tự Lợi lợi tha được vô lượng công đức, thường rất ráo giữ vững, gọi là tương ứng, nên kệ nói: “Tương ứng”.

6. Hành. 7. Thường. 8. Không thể nghĩ bàn, là ba thứ Pháp thân Phật, Thế giới từ vô thủy đến nay, làm lợi ích chúng sinh thường không dừng nghỉ. Vì không thể nghĩ bàn, nên kệ nói: “Nương vào sâu, nhanh, lớn”. Vì nghĩa đó, nói lược kệ:

*Thật thể, nhân, quả, nghiệp
Và vì hành tương ứng,
Thường không thể nghĩ bàn,*

Phải biết là Phật địa.

Lại nương Thật thể, nương nhân ở trong Phật địa đạt được nhân của phương tiện. Kệ rằng:

*Vừa nói Pháp thân Phật,
Thể tự tánh thanh tịnh,
Bị các phiền não cấu,
Và khách trần nhiễm ô.
Ví như trong hư không,
Nhật, nguyệt, tịnh lìa cấu,
Bị mây dầy đặc kia,
Giăng lưới che phủ kín.
Công đức Phật vô cấu,
Thường hằng và bất biến,
Vô phân biệt các pháp,
Được chân trí vô lậu.*

Phải biết ba bài kệ này dùng bốn bài kệ để lược giải thích, kệ rằng:

*Thân Phật không lìa bỏ,
Pháp nhiệm màu thanh tịnh,
Như nhật, nguyệt hư không
Trí lìa nhiễm không hai.
Hơn Hằng sa pháp Phật,
Các công đức sáng sạch,
Chẳng khởi pháp tương ứng,
Không lìa thật thể kia.
Chướng Phiền não trí chướng,
Pháp đó thật vô thể,
Thường bị khách trần nhiễm,
Nên nói thí dụ mây.
Xa lìa hai nhân ấy,
Hướng hai vô phân biệt,
Chân trí vô phân biệt,
Và nương sở đắc kia.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Vừa nói thật thể của Chuyển thân thanh tịnh. Lại thanh tịnh nói lược có hai thứ: 1. Tự tánh thanh tịnh. 2. Lìa cấu thanh tịnh.

1. Tự tánh thanh tịnh, là tánh giải thoát không có sự lìa bỏ, vì tự tánh thanh tịnh tâm thể kia không bỏ tất cả phiền não khách trần, vì tự

tánh thanh tịnh tâm thể kia không tương ứng.

2. Lìa cấu thanh tịnh, là chứng đắc giải thoát. Lại nữa, giải thoát ấy không lìa tất cả pháp, như nước không lìa các bụi nhơ mà nói thanh tịnh, vì tự tánh tâm thanh tịnh xa lìa các phiền não cấu của khách trần không dư sót. Lại vì dựa vào quả lìa cấu thanh tịnh nên nói bốn bài kệ:

*Như nước ao thanh tịnh,
Không có các bụi dơ,
Các thứ cây hoa chen,
Xung quanh thường vây kín.
Mặt trăng lìa La-hầu,
Mặt trời không mây che,
Đủ công đức vô cấu,
Hiện hiện ngay thể ấy.
Ong, chúa mật vị ngọt,
Chắc thật, tịnh, vàng ròng,
Vật báu ẩn, quả cây,
Tượng vàng ròng vô cấu .
Thân vua Chuyển vua thánh,
Tượng Như lai, báu diệu
Các pháp như vậy thấy, Tức
là thân Như lai.*

Phải biết bài bài kệ này dùng chín bài kệ để lược giải thích. Kệ rằng:

*Khách phiền não tham thấy
Cũng như nước dơ đục,
Thượng trí vô phân biệt,
Quả pháp như nước ao.
Nói về Pháp thân Phật,
Tất cả các công đức,
Nương chứng quả trí kia,
Cho nên nói như vậy.
Tham như nước dơ đục,
Pháp tịnh tạp cấu nhiễm,
Chúng sinh đáng hóa độ,
Như hoa sen quanh hồ.
Thiền định tập khí nhuần,
Xa lìa La hầu sân,*

Dùng nước Đại Từ bi,
 Lợi ích khắp chúng sinh.
 Như nhật nguyệt ngày rằm,
 Xa lìa mây giăng lưới,
 Ánh sáng chiếu chúng sinh,
 Xua tan mọi tối tăm.
 Nhật nguyệt Phật vô cấu,
 Lìa mây si giăng bủa,
 Trí sáng chiếu chúng sinh,
 Dứt trừ các tối tăm.
 Đắc pháp không gì sánh,
 Ban cho pháp mẫu nhiệm,
 Chư Phật như Mật, chắc,
 Xa lìa bày ong chướng.
 Công đức chân thật, diệu,
 Dứt trừ các nghèo hèn,
 Ban cho lực giải thoát,
 Nên nói dụ cây vàng.
 Pháp bảo thân chân thật,
 Lương Túc Tôn tăng thượng,
 Thắng sắc rớt ráo thành,
 Nên nói ba dụ sau.

Lại nữa, trước đã nói lấy hai thứ trí nương vào nghiệp tự Lợi lợi tha. Hai trí là: 1. Trí vô phân biệt Xuất thế gian. 2. Dựa vào Trí vô phân biệt Xuất thế gian. Chuyển thân đắc hành nhân của thân xa lìa phiền não, được chứng quả trí.

Hỏi: Lại nữa, thế nào là thành tựu tự lợi ích?

Đáp: Là chứng đắc giải thoát, xa lìa phiền não chướng và trí chướng, đắc Pháp thân thanh tịnh vô chướng ngại, gọi là thành tựu lợi ích tự thân.

Hỏi: Lại nữa, thế nào là thành tựu lợi tha.

Đáp: Đã được thành tựu tự lợi rồi, từ đời vô thủy đến nay, tự nhiên nương vào hai: Thứ thân Phật kia thị hiện thế gian hành lực tự tại, gọi là thành tựu lợi ích tha thân. Lại nương vào tự lợi, lợi tha, mà thành tựu nghĩa nghiệp, nên bốn bài kệ sau:

Vô lậu và đến khắp,
 Pháp bất diệt thường hằng,
 Mát mẻ, không đổi khác,

Chốn vắng lặng không lui.
 Thân Chư Phật, Như lai,
 Như hư không, vô tướng,
 Vì các bậc thắng trí,
 Làm cảnh giới sáu căn.
 Nói về sắc nhiệm màu,
 Ra ngoài âm thanh diệu,
 Khiến người hương giới Phật,
 Và vị diệu pháp Phật.
 Khiến biết xúc Tam-muội,
 Khiến rõ pháp sâu xa,
 Tư duy kỹ rưng rậm,
 Phật là tướng hư không.

Phải biết bốn bài kệ này đã dùng tám bài kệ để giải thích lược.

Kệ rằng:

Nói lược hai thứ pháp,
 Phải nên biết nghiệp trí,
 Đầy đủ thân giải thoát,
 Chân Pháp thân thanh tịnh.
 Thân pháp thân giải thoát,
 Phải biết hai và một,
 Là vô lậu đến khắp,
 Và cứu cánh vô vi.
 Phiền não hết, vô lậu,
 Và tập khí diệt sạch,
 Vô ngại và vô chướng,
 Phải biết trí đến khắp.
 Vô vi vì bất diệt,
 Nên Thật thể không mất,
 Không mất gọi là gốc,
 Giải thích câu hằng thủy
 Đối với câu hằng thủy
 Phải biết có bốn lỗi,
 Chết, vô thường và chuyển,
 Không thể nghĩ bàn lui.
 Vì không chết nên thường,
 Vì thường nên mát mẻ,
 Không chuyển nên bất biến,

*Vãng lạng nên không lui.
Rốt ráo các dấu chân,
Thể tịnh trí pháp trắng,
Đầy đủ sắc, thanh, thấy
Nói về ở các căn.
Như hư không vô tướng,
Mà hiện tướng sắc, thấy
Pháp thân cũng như vậy,
Đủ cảnh giới sáu căn.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Trong Kinh nói: “Như tướng hư không, Chư Phật cũng vậy”, đây là nương vào bậc nhất nghĩa. Vì tự thể tướng nơi Pháp thân thanh tịnh của Chư Phật, Như lai là pháp bất cộng, nên nói như thế. Vì nghĩa đó, Kinh Kim cương Bát-nhã-la-mật viết: “Tu-Bồ-đề, ý ông thế nào? Có thể lấy ba mươi hai tướng mà bậc Đại nhân thành tựu để thấy Như lai hay không? Tu-Bồ-đề nói: Như con hiểu nghĩa mà Phật nói thì không thể lấy tướng thành tựu ấy để thấy Như lai. Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy! Tu-Bồ-đề, không thể dùng tướng thành tựu để thấy được Như lai. Tu-Bồ-đề, nếu dùng tướng thành tựu mà quán Như lai, thì Vua Chuyển vua thánh cũng nên là Như lai. Vì thế không phải thể dùng ba mươi hai tướng thành tựu ấy để thấy Như lai”.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì nương vào Như lai và Pháp thân thanh tịnh nơi bậc nhất nghĩa để nói về nghĩa ấy. Lại nương vào nghĩa tương ứng, để nói hai bài kệ:

*Hư không chẳng nghĩ bàn,
Thường hằng và mát mẻ,
Bất biến và tịch tịnh,
Xa lìa các phân biệt.
Tất cả xứ không nhiễm,
Lìa xúc ngại thô nhám,
Cũng không thể thấy được,
Tâm Phật tịnh, vô cấu.*

Phải biết hai bài kệ này đã dùng tám bài kệ để giải thích tóm lược, kệ rằng:

*Pháp Thân , thân giải thoát,
Hiện tự lợi, lợi tha,
Nương tự lợi, lợi tha,*

Trong đó nghĩa tương ứng.
 Tất cả các công đức,
 Phải biết không nghĩ bàn,
 Không phải cảnh ba tuệ,
 Nhất thiết chủng trí biết.
 Thể Phật các chúng sinh,
 Cảnh tế không thể nghe,
 Bạc nhất, không Tư, Tuệ,
 Vì xuất thế sâu kín,
 Không biết Tu tuệ đời,
 Các phàm phu ngu si,
 Xưa nay không hề thấy,
 Như mù không thấy sắc.
 Nhị thừa như trẻ thơ,
 Không thấy trời và trăng,
 Vì bất sinh nên thường,
 Vì bất diệt nên hằng.
 Là hai nên mát mẻ,
 Pháp tánh trụ bất biến,
 Chứng diệt nên tịch tịnh,
 Tất cả giác nên khắp.
 Không trụ, vô phân biệt,
 Là phiền não, không nhiễm,
 Không trí chướng, là ngại,
 Nhu hòa, là thô nhám.
 Vô sắc, không thể thấy,
 Là tướng, không thể chấp,
 Vì tự tánh nên tịnh,
 Là nhiễm nên không bản.

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Là dụ về hư không, nói về công đức vô vi của Chư Phật Như lai không là Pháp thân Phật, đối với tất cả các hữu mà được nghiệp Đại phương tiện cao quý, nghiệp đại bi cao quý nghiệp Đại trí cao quý không thể nghĩ bàn, để ban cho tất cả chúng sinh ba thứ thân Phật với tướng an vui thanh tịnh vô cấu, gọi là thật Phật, thọ pháp lạc Phật và Hóa thân Phật, thường không ngơi nghỉ, thường không dứt mất, tự nhiên tu hành, phải biết là để đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, vì không cùng chung với các hạng người khác, chỉ tương ứng với Pháp thân Chư

Phật, Như lai.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì nương vào thân này, tương ứng với các hạnh sai khác, nên nói tám bài kệ:

*Không phải đầu, giữa, sau
 Không phá hoại không hai,
 Xa lìa khỏi ba cõi,
 Không cấu, vô phân biệt.
 Cảnh giới này sâu xa,
 Nhị thừa không biết được,
 Đủ tuệ Tam-muội thắng
 Người như vậy thấy được !
 Hơn sỏi cát sông Hằng,
 Công đức không nghĩ bàn,
 Chỉ Như lai thành tựu,
 Không chung với người khác.
 Như lai sắc thân diệu,
 Thể thanh tịnh vô cấu,
 Xa lìa các phiền não,
 Và tất cả tập khí.
 Các thứ pháp thắng diệu,
 Lấy ánh sáng làm thể,
 Giúp chúng sinh giải thoát,
 Thường không ngưng nghỉ.
 Việc làm không nghĩ bàn,
 Như Ma-ni Bảo vương,
 Hiện hình ra các thứ,
 Nhưng thể đó chẳng thật.
 Vì thế gian nói pháp,
 Nói về Xứ tịch tịnh,
 Giáo hóa khiến thuần thực,
 Thọ ký cho nhập đạo.
 Thân gương bóng Như lai,
 Nhưng không lìa bản thể,
 Giống như tất cả sắc,
 Không lìa ngoài hư không.*

Phải biết tám bài kệ này đã dùng hai mươi lăm kệ để giải thích sơ lược.

Kệ rằng:

Vừa nói Pháp thân Phật,
 Và Nhất thiết chủng trí,
 Tự tại và Niết-bàn,
 Và bậc nhất nghĩa đế.
 Pháp không thể nghĩ bàn,
 Công đức của ứng cúng...
 Chỉ tự thân nội chứng,
 Phải nên biết như vậy.
 Ba thân kia sai khác,
 Thật pháp, báo hóa thấy,
 Các gọi rất vui sướng,
 Thân vô lượng công đức.
 Nói về thân thật thể,
 Là Pháp thân Chư Phật,
 Nói lược năm thứ tướng,
 Phải biết năm công đức.
 Vô vi không sai khác,
 Xa lìa khỏi hai bên,
 Ra khỏi phiền não chướng,
 Chướng Trí, chướng Tam-muội.
 Vì lìa tất cả cấu,
 Nên cảnh giới bậc Thánh,
 Ánh sáng thanh tịnh chiếu,
 Vì pháp tánh như vậy.
 Vô lượng A-tăng-kỳ,
 Không thể đếm nghĩ bàn,
 Các công đức chẳng sánh,
 Đến bờ kia bậc nhất.
 Tương ứng Pháp thân thật,
 Vì nhanh không thể đếm,
 Cảnh giới chẳng lường xét,
 Và xa lìa tập khí.
 Pháp Phật vô biên thấy,
 Thứ lớp không lìa báo,
 Thọ các thứ pháp vị,
 Nói về các sắc diệu.
 Tập khí từ bi tịnh,
 Vô phân biệt luống dối,

Lợi ích các chúng sinh,
Tự nhiên không dừng nghỉ.
Như ngọc báu Như ý,
Đầy đủ Tâm chúng sinh,
Phật thọ lạc như vậy,
Lực thần thông tự tại,
Thần lực tự tại này,
Nói lược có năm thứ,
Nói pháp và thấy được,
Các nghiệp không dừng dứt,
Và dừng nghỉ ẩn chìm,
Nói về thể không thật,
Đó gọi là yếu lược,
Có năm thứ lớp tại.
Như ngọc báu Ma-ni,
Nương vào các màu sắc,
Các tướng bản sinh khác,
Tất cả đều chẳng thật.
Như lai cũng như vậy,
Nói về lực phương tiện,
Từ Đâu-suất-đà xuống,
Thứ lớp nhập thai sinh.
Học tập các kỹ nghệ,
Tuổi thơ nhập cung vua,
Chấn lià các tướng dục,
Xuất gia hành khổ hạnh.
Chất vấn các ngoại đạo,
Đi đến nơi đạo tràng,
Hàng phục các chúng
ma, Thành đại diệu giác
tôn. Bán xe pháp Vô
thượng, Nhập Niết-bàn
Vô dư,
Cõi nước không thanh tịnh,
Hiện các việc như vậy.
Thế Gian không dừng nghỉ,
Giảng nói vô thường, khổ,
Là vô ngã, tịch tịnh,
Lực phương tiện trí tuệ.

Khiến các chúng sinh kia,
 Chán lìa khổ ba cõi,
 Sau đó nhập Niết-bàn,
 Vì nhập đạo tịch tịnh.
 Người Thanh-văn, Độc giác,
 Có tướng luống dối đó,
 Nói ta được Niết-bàn,
 Các Kinh như Pháp Hoa...
 Đều nói pháp như thật,
 Thuộc Bát-nhã phương tiện,
 Chuyển tâm luống dối trước,
 Khiến thuần thực thượng thừa.
 Thọ ký Bồ-đề diệu,
 Thế lực lớn vi tế,
 Khiến chúng sinh ngu si,
 Vượt hiểm nạn đường ác.
 Sâu, nhanh và rộng lớn,
 Phải biết, thứ lớp nêu,
 Thứ nhất Pháp thân Phật,
 Thứ hai sắc thân Phật.
 Ví như trong hư không,
 Có tất cả sắc thân,
 Trong Phật thân thứ nhất,
 Thân thứ ba cũng thế.

Từ đây trở xuống, nương vào ba thân Phật như vậy, để ban vui và làm lợi ích cho chúng sinh. Nói lược hai bài kệ:

Thế Tôn thể thường trụ,
 Vì tu vô lượng nhân,
 Cõi chúng sanh giới bất tận,
 Tâm từ bi như ý.
 Trí thành tựu tương ứng,
 Đối pháp được tự tại,
 Hàng phục các ma oán,
 Thể tịch tịnh nên thường.

Phải biết hai bài kệ này đã dùng sáu kệ để lược giải thích. Kệ rằng:

Buông xả thân, mạng, của,
 Nhiếp lấy pháp chư Phật,

Vì lợi ích chúng sinh,
 Bản nguyện rớt ráo mẫn.
 Được thân Phật thanh tịnh,
 Khởi tâm đại từ bi,
 Tu hành bốn Như ý,
 Nương lực kia trụ thế.
 Vì thành tựu diệu trí,
 Là tâm hữu Niết-bàn,
 Thường đắc tâm Tam-muội,
 Thành tựu lạc tương ưng.
 Thường sống ở thế gian,
 Không bị pháp đời nhiễm,
 Đắc xứ cam lồ tịnh,
 Nên lia tất cả ma.
 Chư Phật vốn bất sinh,
 Vì xata nay tịch tịnh,
 Thường có thể qui y,
 Nên nói qui y ta.
 Bảy thứ thí dụ trước,
 Sắc thân Như lai thường,
 Ba thứ thí dụ sau,
 Pháp thân Thiện Thệ thường.

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Chư Phật, Như lai nương vào Pháp thân mà chuyển đắc thân Vô thượng, phải biết là không thể nghĩ bàn, dựa vào không thể nghĩ bàn nói hai bài kệ:

Điều không thể dùng lời,
 Thuộc bậc nhất nghĩa đế,
 Là các địa giác quán,
 Không dụ nào nói được!
 Pháp thắng diệu trên hết,
 Không thấy có Niết-bàn,
 Ba thừa không thể biết
 Chỉ là cảnh giới Phật.

Nên rõ là hai bài kệ này đã dùng năm kệ để giải thích lược. Kệ rằng:

Không thể nghĩ bàn được,
 Vì là tướng ngôn ngữ,

Là tướng ngôn ngữ đó,
 Vì thuộc bậc nhất nghĩa .
 Thuộc về bậc nhất nghĩa,
 Vượt cảnh giới xét lường,
 Vượt cảnh giới xét lường,
 Vì không dụ nào nhận biết .
 Không dụ biết được,
 Vì trên hết Vô thượng,
 Vì Tối thắng Vô thượng,
 Không chấp có Niết-bàn.
 Không giữ hai thứ đó,
 Không chấp đức và lỗi,
 Năm thứ thí dụ trước,
 Vì tế không nghi bàn.
 Pháp thân Như lai thường,
 Là thí dụ thứ sáu,
 Vì đã được tự tại,
 Sắc thân Như lai thường.

----- Phẩm

thứ 9: CÔNG ĐỨC CỦA NHƯ LAI

Luận rằng: Đã nói Pháp thân Chân như vô cấu, kế là nương vào Pháp thân Chân như vô cấu ấy nói tất cả công đức, như báu Ma-ni không là các thứ ánh sáng hình sắc, công đức vô lượng vô biên của Pháp thân Như lai tự tánh thanh tịnh vô cấu, cũng giống như vậy. Vì nghĩa đó nên nương vào công đức Phật, kế là nói hai bài kệ:

Tự lợi cũng lợi tha,
 Thân bậc nhất nghĩa đế,
 Nương thân chân đế kia,
 Có thể thế đế này.
 Quả thuần thực xa lìa,
 Trong ấy có đầy đủ,
 Sáu mươi bốn thứ pháp,
 Các công đức sai khác.

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Nơi tự thân thành tự,
 Trụ trì các pháp Phật,
 Vì nhiếp thân bậc nhất,
 Vì tha thân trụ trì.
 Các Như lai, Thế Tôn,
 Vì có thể thế đế,
 Vô lượng công đức Phật,
 Phải biết thuộc thân trước.
 Mười lực, bốn vô úy,
 Tướng đại trượng phu thấy,
 Thể thọ lạc báo kia,
 Thuộc thân Phật thứ hai.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói về sáu mươi bốn thứ công đức của thân Phật như mười lực...

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Nương vào nghĩa đó mà biết. Nói lược hai bài kệ:

*Phật lực chày Kim cương,
 Phá chướng của vô trí,
 Như lai không sợ hãi,
 Trong chúng như sư tử,
 Pháp bất cộng của Phật,
 Thanh tịnh như hư không,
 Như trăng đáy nước kia,
 Chúng sinh hai thứ kiến.*

Từ đây trở xuống, trong Phẩm công đức phần còn lại nói về kệ, nương hai bài kệ này, thứ lớp nói về về sáu mươi bốn thứ công đức của Như lai như mười lực..., phải biết, như Kinh Đà-la-ni Tự Tại Vương có nói rộng. Trước hết, dựa vào mười lực nói hai bài kệ:

*Quả báo xứ phi xứ,
 Nghiệp cùng với các căn,
 Tánh, tín chí, xứ đạo,
 Các thiên định lìa cấu.
 Nhớ nghĩ đời quá khứ,
 Thiên nhãn, trí tịch tịnh,
 Những câu Kệ như vậy,
 Là nói tên mười lực.*

Lại dựa vào bốn Vô úy nói ba bài kệ:

Như thật giác các pháp,
 Ngăn các chướng ngại đạo,
 Nói đạo đắc vô lậu,
 Là bốn thứ không sợ.
 Đời cảnh giới sở tri,
 Rốt ráo biết tự tha,
 Tự biết, dạy người biết,
 Điều này, chẳng chướng đạo.
 Chứng được quả thắng diệu,
 Tự chứng giúp người chứng,
 Nói Để tự tha lợi,
 Là các xứ không sợ.

Lại nương vào mười tám pháp bất cộng của Phật nói tám bài kệ:

Phật không lỗi, không tranh,
 Không lỗi vọng niệm thấy,
 Không bất định, tán tâm,
 Không có các thứ tướng.
 Không tác ý, hộ tâm,
 Dục, tinh tấn bất thoái
 Niệm, tuệ và giải thoát,
 Tri kiến thấy không lùi.
 Các nghiệp, trí làm gốc,
 Biết ba đời vô chướng,
 Mười tám công đức Phật,
 Và còn chưa nói hết,
 Thân miệng Phật không lỗi,
 Nếu người đến phá hoại,
 Nội tâm tướng vô động,
 Không trụ tâm xả tâm.
 Thế tôn dục, tinh tấn,
 Niệm, trí tịnh, giải thoát,
 Tri kiến thường không mất,
 Nói về cảnh nên biết.
 Tất cả các nghiệp thấy,
 Trí làm gốc xoay vần,
 Ba đời vô chướng ngại,
 Thường hành trí rộng lớn.
 Gọi là thể Như lai,

Đại trí tuệ tương ưng,
 Giác ngộ đại Bồ-đề,
 Pháp thắng diệu trên hết.
 Vì tất cả chúng sinh,
 Xoay bánh xe đại pháp,
 Pháp vô úy thắng diệu,
 Khiến đạt đến giải thoát.

Lại nương nơi ba mươi hai tướng Đại nhân nói mười hai bài kệ:

Lòng bàn chân bằng, đầy,
 Có bánh xe nghìn cãm,
 Gót, lưng bàn chân dày,
 Chân nai chúa Y-ni.
 Tay chân đều mềm mại,
 Các ngón đều thon dài,
 Có màn như ngỗng chúa,
 Cánh tay thon trên xuống.
 Hai vai trước sau bằng,
 Phải trái đều tròn đầy,
 Thông tay quá đầu gối,
 Tướng âm tàng ngựa chúa.
 Thân tướng cao thanh nhã,
 Như cây Ni-câu vương,
 Thể tướng bảy chỗ đủ,
 Nửa trên như Sư tử,
 Thế oai đức vững chắc,
 Giống như Na-la-diên,
 Thân sắc tươi tịnh diệu,
 Da sắc vàng ròng mịn.
 Sạch, nhuyễn, tế, bằng, kín,
 Mỗi lỗ mọc mỗi lông,
 Lông mềm mại hướng lên,
 Vi tế xoáy bên phải.
 Thân tịnh có vàng sáng,
 Tướng trên Đảnh nhô cao,
 Cổ như cổ chim công,
 Má vuông như Sư tử.
 Tóc sạch thuần sắc vàng,
 Dụ như Nhân-đà-la,

*Sợi lông trắng trên trán,
 Toả sáng chung khuôn mặt.
 Miệng gồm bốn mươi răng,
 Răng nanh trắng hơn tuyết,
 Sâu kín, sáng trong ngoài,
 Răng trên dưới bằng đều.
 Tiếng Ca-lăng-tân-già.
 Tiếng hót hay vang xa,
 Thức ăn đến cổ họng,
 Được thượng vị trong vị.
 Lưỡi mỏng rộng và dài,
 Hai mắt thuần xanh biếc.
 My như trâu đầu đàn,
 Công đức như hoa sen,
 Nói Nhân tôn như vậy ,
 Ba mươi hai tướng diệu,
 Mỗi tướng không lẫn lộn,
 Khấp thân không thể chê.*

Đây là mười lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật, ba hai tướng của bậc Đại nhân, lược tập hợp lại một chỗ, phải biết đó là sáu mươi bốn thứ công đức. Kệ rằng:

*Sáu mươi bốn công đức,
 Tu nhân và quả báo,
 Mỗi mỗi đều sai khác,
 Kinh Bảo Nữ có nói.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Trước đã nói sáu mươi bốn thứ công đức nơi nhân quả sai khác của Chư Phật, Như lai, phải biết nương vào thứ lớp này, trong Kinh Bảo Nữ đã nói rộng. Lại nữa, nương vào bốn xứ ấy, thứ lớp có bốn thứ Thí Dụ, là chày Kim cương, Sư tử vương, Hư không và trăng đáy nước, có chín bài kệ, nương vào chín bài kệ đó để nói lược. Kệ nêu:

*Đều vượt vô từ tâm,
 Không cùng người vô tâm,
 Nên nói chày, Sư tử,
 Hư không, trăng đáy nước.*

Lại nữa, dựa vào thí dụ chày Kim cương của mười lực nói hai bài kệ:

Xứ, phi xứ, tánh quả,

*Các tín căn chúng sinh,
 Các thứ đạo tu địa,
 Hơn túc mạng sai khác,
 Thiên nhân lậu tận thấy,
 Phật lực chày Kim cương,
 Năng trừ diệt phá tan,
 Si giáp, núi, tường, cây.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược. Kệ nêu:

*Sáu lực các Như lai,
 Thứ lớp ba và một,
 Trong cảnh giới sở tri,
 Là các chướng Tam-muội.
 Và là cấu, chướng khác,
 Ví như phá đứt hết,
 Giáp, tường, núi và cây,
 Vừa dây, vừa vũng chắc.
 Cũng không thể phá hoại,
 Mười lực của Như lai,
 Giống như Kim cương kia,
 Nên nói chày Kim cương.*

Lại nương vào thí dụ Sư tử có bốn việc không sợ hãi nói hai bài kệ:

*Như Sư tử đầu đàn,
 Tự tại trong các thú,
 Thường ở nơi núi rừng,
 Không sợ hãi các thú.
 Phật Nhân vương cũng thế,
 Ở trong các chúng sanh,
 Không sợ và khéo trụ,
 Vững chắc hăng hái thấy.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược, Kệ nêu:

*Biết bệnh khổ biết nhân,
 Xa lìa nhân khổ kia,
 Nói thuốc mầu Thánh đạo,
 Vì lìa bệnh chướng diệt.
 Xa lìa các hãi,*

*Khéo trụ thành hăng hái,
 Phật đứng đầu đại chúng,
 Không sợ như sư tử.
 Vì biết tất cả pháp,
 Do đó năng khéo trụ,
 Tất cả không sợ gì,
 Là phàm phu ngu si.
 Nhị thừa và thanh tịnh,
 Vì thấy ngã vô
 Trong tất cả các pháp,
 Tâm thường định vững chắc.
 Vì sao gọi hăng hái?
 Vượt Vô minh Trụ địa,
 Tự tại chốn vô ngại,
 Cho nên gọi hăng hái.*

Lại nữa, nương vào thí dụ về hư không của mười tám pháp bất cộng nói ba bài kệ:

*Địa, thủy, hỏa phong thủy,
 Trong pháp không, chẳng có,
 Trong các sắc cũng không,
 Pháp Hư không vô ngại.
 Chư Phật vô chướng ngại,
 Giống như tướng hư không,
 Như lai ở thế gian,
 Như địa thủy, hỏa phong.
 Nhưng Chư Phật, Như lai,
 Tất cả các công đức,
 Cho đến không một pháp,
 Có chung với thế gian.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược Kệ:

*Thanh-văn và không hành,
 Người trí và tự tại,
 Pháp vi tế thượng thượng,
 Nên nói về năm đại.
 Các chúng sinh thọ dụng,
 Như đất nước lửa gió,
 Là thế, là xuất thế,*

*Nên nói hư không lớn,
Ba mươi hai công đức,
Nương Pháp thân mà có,
Như tim đèn thế gian,
Sáng nóng và sắc tướng,
Tương ứng không sai khác,
Pháp thân của Như lai,
Tất cả các công đức,
Không sai khác cũng vậy.*

Lại nương vào thí dụ trăng đầy nước của ba mươi hai tướng Đại
trượng phu, nói hai bài kệ:

*Trời thu không mây che,
Trăng trên trời, đầy nước,
Tất cả người thế gian,
Đều thấy trăng hiện đủ.
Trong Phật luân Thanh tịnh,
Đủ thế lực công đức,
Phật Tử thấy Như lai,
Thân công đức cũng vậy.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược Kệ:

*Ba mươi hai công đức,
Người thấy sinh vui mừng,
Nương vào ba thứ Phật,
Pháp, báo, hóa mà có.
Pháp thân tịnh vô cấu,
Xa lìa khỏi thế gian,
Ở trong Như lai luân,
Chúng sinh thấy hai chỗ.
Như đầy nước thanh tịnh,
Thấy rõ bóng mặt trăng,
Là ba mươi hai tướng,
Nương sắc thân được tên.
Như châu báu Ma-ni,
Không lìa, tướng, ánh sáng,
Sắc thân cũng như vậy,
Không lìa ba mươi hai.*

Phẩm thứ 10: NGHIỆP PHẬT TỰ NHIÊN KHÔNG DỪNG NGHỈ

Luận nói: Đã nói công đức vô cấu của Chư Phật, kể là nói về việc tác nghiệp của Chư Phật, Như lai. Phải biết nghiệp của Chư Phật kia tự nhiên vận hành, thường không dừng nghỉ, giáo hóa chúng sinh. Dựa vào đó nói lược có hai loại pháp tự nhiên hành, vì nghĩa đó nên nương vào nghiệp tự nhiên vận hành của Chư Phật, thường không dừng nghỉ, thường làm Phật sự, nói sáu bài kệ:

*Chúng sinh đáng hóa độ,
Dùng phương tiện giáo hóa,
Hóa độ nghiệp chúng sinh,
Giáo hóa cõi chúng sanh.
Chư Phật, người tự tại,
Đối chúng sinh nên hóa,
Thường chờ xứ chờ thời,
Tự nhiên làm Phật sự.
Giác biết khắp Đại thừa,
Nhóm Công đức tối diệu,
Như nước báu biển cả,
Trí Như lai cũng vậy.
Bồ-đề rộng vô biên,
Cũng như cõi hư không,
Nơi vô lượng công đức,
Mặt trời Đại trí tuệ.
Chiếu khắp các chúng sinh,
Có Pháp thân mẫu Phật,
Kho công đức vô cấu,
Như thân Ta không khác.
Phiền não chướng, trí chướng,
Mây sương giăng lưới che,
Gió Từ bi Chư Phật,
Thổi chúng tan diệt hết.*

Nghĩa của sáu bài kệ này, đã dùng mười bốn bài kệ để giải thích lược, Kệ rằng:

*Dùng những tánh trí nào,
Xứ nào và thời nào,
Tác nghiệp vô phân biệt,
Cho nên nghiệp tự nhiên*

Dùng những căn tánh nào,
Các chúng sinh đáng độ
Dùng những trí tuệ nào,
Năng độ các chúng sinh?
Lại dùng thứ gì làm,
Phương tiện hóa chúng sinh?
Chúng sinh lấy xứ nào,
Trong thời nào độ được?
Hướng tiến và công đức,
Làm quả, vì nhiếp lấy,
Chướng kia và Đoạn chướng,
Các duyên vô phân biệt.
Hướng tiến là mười địa,
Công đức nhân hai đế,
Quả là Đại Bồ-đề,
Nhiếp quyến thuộc Bồ-đề.
Chướng kia là vô biên,
Phiền não và tập khí,
Dứt chướng là đại từ,
Và tâm đại bi thấy.
Gọi là tất cả thời.
Thường tạo các nhân duyên,
Sáu xứ như vậy thấy,
Phải biết thứ lớp nói .
Như nước báu biển cả,
Không, nhật, đất, mây, gió,
Các địa như biển lớn,
Trí công đức nước báu.
Bồ-đề như không giới,
Rộng không mé giữa sau,
Làm lợi ích chúng sinh,
Hai nghiệp như mặt trời.
Có thể soi biết khắp,
Tất cả cõi chúng sanh,
Đều có tánh Như lai,
Như kho báu trong đất.
Giống như mặt đất kia,
Thể vững chắc bất động,

Vì lợi ích chúng sinh,
 Thấy ngã kia không khác.
 Khách trần phiền não thấy,
 Vốn tự vô thể, tánh,
 Tất cả đều luống dối,
 Như mây nhóm không thật.
 Khởi đại tâm từ bi,
 Giống như gió thổi mạnh,
 Phiền não, trí chướng tận,
 Như mây kia tụ tán.
 Việc giáo hóa sự chưa xong,
 Nên thường ở thế gian,
 Từ bản tế đến nay,
 Tự nhiên không dừng nghỉ.

Hỏi: như trước đã nói, Chư Phật, Như lai bất sinh bất diệt, nếu vậy tức là Pháp vô vi. Pháp vô vi là nghiệp không tu hành, vì sao thường giáo hóa chúng sinh không dừng nghỉ?

Đáp: Vì nói về đại sự của Chư Phật dứt các nghi ngờ, nên nương vào thanh tịnh vô cấu không thể nghĩ bàn cảnh giới Chư Phật, để nói về đại sự, do đó dùng thí dụ nói một bài kệ:

Trống mây đẹp Để thích,
 Trời Ma-ni phạm thiên,
 Tiếng vang và hư không,
 Thân Như lai cũng vậy.

Nương vào bài kệ này, Kinh thâm nhiếp lấy nghĩa, chín thí dụ trong kệ, phải biết từ đây trở xuống, nói rộng về sáu mươi sáu kệ còn lại. Lại nương vào đó để nói rộng nghĩa kệ, chín thí dụ là nói lược về nghĩa của sáu mươi sáu Kệ đó, và theo thứ lớp nói rộng Như lai Vô thượng tu hành trọn vẹn, làm lợi ích cho tất cả cho chúng sinh, phải biết đã dùng mười chín kệ để giải thích. Kệ rằng:

Xa lìa tất cả nghiệp,
 Không hề thấy có quả,
 Vì tất cả người nghi,
 Dứt các lưới nghi đó.
 Mà nói chín thí dụ,
 Tên Tu-đa-la kia,
 Rộng nói các pháp này,
 Trong Tu-đa-la ấy.

Rộng nói chín thí dụ,
Gọi là cảnh giới trí,
Trí vi diệu trang nghiêm,
Người có trí mau nhập.
Đầy đủ cảnh giới Phật,
Nói trời để thích kia,
Lutu-ly, gương bóng thủy
Có chín thứ thí dụ .
Phải biết nghĩa chính yếu,
Kiến, thuyết và biến chí,
Vi là các tướng trí,
Thân miệng ý nghiệp mật.
Người đại từ bi được,
Lìa các tâm công dụng,
Vắng lặng vô phân biệt,
Là trí nên vô cấu.
Như Đại Tỳ-lưu-ly,
Các dụ Đế thích thủy,
Trí rốt ráo đầy đủ,
Nên vắng lặng vắng lặng.
Vi có trí tuệ tịnh,
Cho nên vô phân biệt,
Làm thành các thứ nghĩa,
Nên dụ Đế Thích thủy
Vi làm thành nghĩa kia,
Nói chín thứ Kiến thủy,
Lìa Sinh, lìa thân thông,
Chư Phật hiện sự ấy.
Đó gọi là nói lược,
Các thứ nghĩa thí dụ,
Dụ trước, giải khác sau,
Dụ sau, giải khác trước.
Thể Phật như gương bóng,
Như đất Lutu-ly kia,
Người chẳng phải không tiếng,
Như trống diệu chư thiên.
Chẳng phải không làm sự,
Như mây mưa lớn kia,

Chẳng phải không làm lợi,
Cũng chẳng phải bất sinh.
Có các thứ hạt giống,
Như Phạm thiên bất động,
Chẳng phải không thuần thực,
Như mặt trời lớn kia.
Chẳng phải không phá tối,
Như báu Như Ý ấy,
Chẳng phải không ít có,
Giống như các tiếng vang.
Chẳng phải không duyên thành,
Giống như hư không kia,
Chẳng phải không làm đủ,
Chỗ chúng sinh nương dựa.
Giống như mặt đất kia,
Chẳng phải không trụ giữ,
Tất cả các thứ vật,
Vì nương vào mặt đất.
Gánh vác các thế gian,
Vì các thứ vật ấy,
Nương Bồ-đề Chư Phật,
Pháp môn Xuất thế gian.
Thành tựu các nghiệp thiện,
Các Thiên, bốn vô lượng,
Và lấy bốn định không,
Các Như lai tự nhiên.
Thường trụ các thế gian,
Có các nghiệp như vậy,
Cùng lúc chẳng trước sau,
Làm việc tốt đẹp ấy.

Phẩm thứ 11: GIÁO LƯỢNG TÍN CÔNG ĐỨC

Luận chép: Ở trên nói bốn thứ pháp, từ đây trở xuống, là nói về người có tuệ. Đối với pháp ấy có thể sinh tâm tin, nương vào tin là đã được công đức, nói mười bốn bài kệ:

*Tánh Phật, Bồ-đề Phật,
 Pháp Phật và nghiệp Phật,
 Người xuất thế thanh tịnh,
 Điều không thể nghĩ bàn.
 Cảnh giới Chư Phật này,
 Nếu có người tin được,
 Được vô lượng công đức,
 Hơn tất cả chúng sinh.
 Vì cầu Phật Bồ-đề,
 Quả báo không nghĩ bàn,
 Được vô lượng công đức
 Cho nên hơn thế gian.
 Nếu có người xả được,
 Châu báu ngọc Ma-ni,
 Đây khắp mười phương cõi,
 Vô lượng cõi nước Phật.
 Vì cầu Bồ-đề Phật,
 Cúng dường các Pháp vương,
 Người đó thí như vậy,
 Vô lượng hằng sa kiếp.
 Nếu lại có người nghe,
 Một câu cảnh giới mâu,
 Nghe rồi lại tin được,
 Phước hơn thí vô lượng.
 Nếu người có trí tuệ,
 Vâng giữ giới Vô thượng,
 Nghiệp tịnh thân miêng ý,
 Tự nhiên thường hộ trì.
 Vì cầu Bồ-đề Phật,
 Như vậy vô lượng kiếp,
 Phước mà người đó được,
 Không thể nào nghĩ bàn.
 Nếu lại có người nghe,*

Một câu cảnh giới mâu,
 Nghe rồi lại tin được,
 Phước hơn giới vô lượng.
 Nếu người nhập Thiên định,
 Dứt phiền não ba cõi,
 Hơn trời hành bỉ ngạn,
 Không phương tiện Bồ-đề.
 Nếu lại có người nghe,
 Một câu cảnh giới mâu,
 Nghe rồi lại tin được,
 Phước hơn thiên vô lượng.
 Người không tuệ xả được,
 Chỉ được báo giàu sang,
 Người tu trì giới cấm,
 Chỉ được sinh trời, người.
 Tu hành dứt các chướng,
 Chẳng tuệ không thể dứt,
 Tuệ dứt phiền não chướng,
 Cũng dứt được chướng trí .
 Nghe pháp làm nhân tuệ,
 Nên nghe pháp thù thắng,
 Hướng chi nghe pháp rồi,
 Lại sinh được tâm tin.

Phải biết mười bốn bài kệ này đã dùng mười một kệ để lược giải thích. Kệ rằng:

Thân và chỗ chuyển kia,
 Công đức và thành nghĩa,
 Bày bốn thứ pháp này,
 Chỉ cảnh giới Như lai.
 Người trí tin là có,
 Và tin được rất ráo,
 Nhờ tin các công đức,
 Mau chứng đạo Vô thượng,
 Cứu cánh đến bờ kia,
 Chỗ ở của Như lai.
 Tin có cảnh giới ấy,
 Cảnh giới chẳng nghĩ bàn,
 Chúng ta có thể được!

Các công đức như vậy,
 Chỉ tin sâu thắng trí,
 Dục, tinh tấn, niệm, định,
 Tu công đức trí thấy,
 Tâm Bồ-đề Vô thượng,
 Tất cả thường hiện tiền,
 Vì thường hiện tiền nên,
 Là Phật Tử bất thối.
 Công đức tịnh giải thoát,
 Rốt ráo sẽ thành tựu,
 Năm độ là công đức.
 Vô phân biệt ba độ,
 Rốt ráo và thanh tịnh,
 Vì lìa pháp đối trị,
 Thí chỉ Thí công đức,
 Giữ giới chỉ giữ giới,
 Còn hai Độ tu hành,
 Là nhẫn nhục, thiền định,
 Tinh tấn khắp mọi nơi.
 Pháp đối trị của xan...
 Gọi là phiền não chướng,
 Luống phân biệt ba pháp,
 Gọi đó là trí chướng.
 Xa lìa các chướng đó,
 Không còn nhân nào hơn,
 Chỉ trí tuệ Chân diệu,
 Cho nên Bát-nhã hơn.
 Trí tuệ căn bản kia,
 Cái gọi là văn tuệ,
 Vì văn tuệ sinh trí,
 Cho nên văn là hơn.

Lại từ đây trở xuống, nói về nghĩa vừa nói ở trước, là nương vào pháp
 gì mà nói, nương vào nghĩa gì mà nói, nương vào tướng gì mà nói.
 Trước nương vào pháp kia nói hai bài kệ:

Pháp mà Ta nói đây
 Là tự tâm thanh tịnh,
 Nương giáo các Như lai,
 Tương ứng Tu-đa-la.

*Nếu có người trí tuệ,
Nghe rồi tin nhận được,
Pháp mà Ta nói đây,
Cũng vì nhiếp người ấy.*

Từ đây trở xuống, kể là nương vào nghĩa ấy nói hai bài kệ:

*Nương đèn, chớp, Ma-ni,
Ánh sáng mặt trời, trăng,
Tất cả người có mắt,
Đều thấy được cảnh giới.
Nương ánh sáng pháp Phật,
Người tuệ nhãn thấy được,
Vì pháp có lợi đó,
Nên ta nói pháp này.*

Từ đây trở xuống, kể là nương vào tướng kia nói hai bài kệ:

*Nếu tất cả điều thuyết,
Có nghĩa, có pháp cú,
Khiến cho người tu hành,
Xa lìa khỏi ba cõi.
Và bày pháp vắng lặng,
Đạo trên hết Vô thượng,
Phật nói chánh kinh này,
Ngoài ra, thuyết điên đảo.*

Từ đây trở xuống, là nương vào phương tiện Hộ pháp nói bày bài

Kệ:

*Tuy nói nghĩa pháp cú,
Dứt phiền não ba cõi,
Vô minh che tuệ nhãn,
Bị Tham thấy trói buộc...
Lại nữa, trong pháp Phật,
Chỉ nói chút phần thôi,
Sách đời khéo nói nêu,
Ba thứ còn nên thọ.
Huống chi các Như lai,
Xa lìa phiền não cấu,
Người trí tuệ vô lậu,
Tu-đa-la đã nói.
Do xa lìa Chư Phật,
Tất cả trong thế gian,*

Không trí tuệ thù thắng,
 Người biết Pháp như thật.
 Như lai nói liễu nghĩa,
 Nghĩa đó chẳng nghĩ bàn,
 Suy tư là chê pháp,
 Không biết ý của Phật.
 Chê Thánh và hoại pháp,
 Đây là tư duy tà,
 Người ngu si phiền não,
 Nên vọng kiến chấp trước.
 Vì thế không nên chấp,
 Tà kiến các pháp bản,
 Áo sạch nhuộm ăn màu,
 Nó bản không ăn màu.

Từ đây trở xuống, là nương vào việc chê bai chánh pháp nói ba bài kệ:

Ngu không tin pháp thiện,
 Tà kiến và kiêu mạn,
 Chướng chê pháp quá khứ,
 Chấp trước bất liễu nghĩa.
 Nếu cúng dường cung kính,
 Chỉ thấy các pháp tà,
 Xa lìa thiện tri thức,
 Gần gũi người chê pháp.
 Ưa thích pháp Tiểu thừa,
 Các chúng sinh như vậy,
 Không tin pháp Đại thừa,
 Nên chê pháp các Phật.

Từ đây trở xuống, là nương vào việc chê bai chánh pháp mà chịu quả báo xấu nói sáu bài kệ:

Người trí không nên sợ,
 Kẻ thù, rắn, lửa, độc,
 Nhân-đà-la, sấm sét,
 Dao, gậy, các thú dữ
 Sư tử cạp beo thây
 Thứ đó chỉ giết người,
 không khiến người đọa vào,
 Ngục A-tỳ đáng sợ !

*Nên sợ chê pháp sâu,
 Và tri thức chê pháp,
 Nhất định khiến đọa vào,
 Ngục A-tỳ đáng sợ !
 Tuy gần tri thức ác,
 Ác làm chảy máu Phật,
 Và giết hại cha mẹ,
 Giết chết các bậc Thánh.
 Phá hoại Tăng hòa hợp ,
 Và dứt các gốc lành,
 Vì buộc niệm chánh pháp,
 Có thể thoát chỗ đó.
 Nếu lại có người khác,
 Phỉ chê pháp sâu xa ,
 Người đó vô lượng kiếp,
 Không thể được giải thoát.*

Từ đây trở xuống, là nương vào pháp sư nói pháp sinh tâm kính trọng nói hai bài kệ:

*Nếu người khiến chúng sinh,
 Tin học pháp như vậy,
 Đó là cha mẹ ta,
 Cũng là tri thức thiện .
 Đó chính là người trí,
 Sau Như lai diệt độ,
 Bỏ tà kiến điên đảo,
 Khiến nhập vào chánh đạo.*

Từ đây trở xuống, là nương vào công đức của việc nói pháp dùng để hồi hướng nói hai bài kệ:

*Tánh Tam bảo thanh tịnh,
 Nghiệp công đức Bồ-đề,
 Ta nói lược bày thứ,
 Tương ứng với Kinh Phật.
 Nương các công đức này,
 Nguyên khi sắp qua đời,
 Thấy Phật Vô Lượng Thọ,
 Thân vô biên công đức.
 Tôi và tín giả khác,
 Đã thấy Phật đó rồi,*

*Nguyện được mắt lia cầu,
Thành Bồ-đề Vô thượng.*
Từ đây trở xuống, là nói lược về cú nghĩa, kệ rằng:
*Nương pháp nào mà nói,
Nương nghĩa nào mà nói ,
Nương tướng nào mà nói?
Như pháp kia mà nói.
Như nghĩa kia mà nói,
Như tướng kia mà nói,
Tất cả các pháp ấy,
Sáu bài kệ nói về.
Phương tiện hộ tự thân,
Dùng bảy bài kệ nói,
Nói Phỉ báng chánh pháp,
Thì có ba bài kệ.
Sáu kệ hiển bày nhân,
Dùng hai kệ chỉ rõ,
Đối với người nói pháp,
Sinh tâm kính trọng sâu.
Đại chúng nghe nhĩn thọ,
Chúng đắc Đại Bồ-đề,
Nói lược ba thứ pháp,
Nói về quả báo đó!*

